

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 93 - HD/HNDTW

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2019

HỘI NÔNG DÂN TUYÊN QUANG
ĐẾN
GIỜ NGÀY 26/8/19
CHUYỂN

HƯỚNG DẪN

Một số vấn đề cụ thể về thi hành Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam (đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII thông qua ngày 12/12/2018) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (khóa VII) ngày 23/7/2019; Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam như sau:

1. Điều 3: Đối tượng và điều kiện trở thành hội viên

1.1- Đối tượng, điều kiện kết nạp (khoản 1):

- Tính đến thời điểm kết nạp, người được kết nạp vào Hội phải đủ 18 tuổi.
- Là công dân Việt Nam đang học tập, công tác và lao động trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, gồm:

+ Những người đang lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch...

+ Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp... cấp xã trở lên (bao gồm cả cán bộ không chuyên trách cấp xã).

+ Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động nghỉ hưu sống ở nông thôn hoặc nơi có tổ chức Hội.

+ Các nhà khoa học, các doanh nhân, giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại; cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân.....

+ Học sinh đang học các trường trung học phổ thông; học sinh, sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng, đại học là con em nông dân hoặc xuất thân từ nông thôn gắn bó với nông nghiệp, nông thôn.

+ Trí thức trẻ là con em nông dân, xuất thân từ nông thôn hoặc gắn bó với nông nghiệp, nông thôn; sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã;

đang công tác, nghiên cứu, hoạt động trong các cơ quan, tổ chức hợp pháp liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1.2- Xét kết nạp hội viên trong một số trường hợp:

Hội Nông dân các cấp có trách nhiệm tuyên truyền, vận động để kết nạp:

- Học sinh trong các trường trung học phổ thông từ đủ 18 tuổi có nguyện vọng vào Hội, tích cực, tự nguyện tham gia các hoạt động do Hội tổ chức thì chi Hội hoặc Hội cơ sở nơi học sinh đó cư trú xem xét kết nạp trên cơ sở trao đổi, thống nhất với ban giám hiệu nhà trường nơi học sinh đó đang học tập và cấp ủy nơi cư trú.

- Học sinh, sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng, đại học có nguyện vọng vào Hội, tích cực, tự nguyện tham gia các hoạt động do Hội tổ chức thì ban thường vụ Hội Nông dân cấp cơ sở hoặc cấp huyện/cấp tỉnh/cấp trung ương nơi trường đó đóng trên địa bàn xem xét kết nạp, sau khi có sự thống nhất với cấp ủy và ban lãnh đạo nhà trường trên cơ sở phù hợp với nguyện vọng và điều kiện cư trú, học tập của học sinh, sinh viên vào Hội.

- Các nhà khoa học, các doanh nhân, trí thức trẻ có nguyện vọng vào Hội, tích cực tham gia và đóng góp cho các hoạt động của Hội thì ban thường vụ Hội Nông dân cấp cơ sở hoặc cấp huyện, cấp tỉnh, cấp trung ương xem xét kết nạp trên cơ sở phù hợp với nguyện vọng, điều kiện cư trú, làm việc của người vào Hội.

- Giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại...do ban thường vụ Hội cấp cơ sở xem xét, kết nạp.

- Trường hợp người có nguyện vọng xin vào Hội nhưng nơi đó chưa có chi Hội hoặc tổ Hội thì việc kết nạp hội viên do ban thường vụ Hội cấp cơ sở hoặc cấp huyện/cấp tỉnh/cấp trung ương xem xét và kết nạp.

1.3- Thủ tục kết nạp hội viên (khoản 1):

- Người xin vào Hội phải tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện có đơn gửi chi Hội hoặc tổ Hội (nơi có tổ Hội).

- Được phổ biến, quán triệt về Điều lệ Hội và những kiến thức cơ bản về Hội trước khi kết nạp.

- Chi Hội tổ chức hội nghị toàn thể hội viên hoặc hội nghị ban chấp hành chi Hội mở rộng (đối với chi Hội có đông hội viên và được chia thành các tổ Hội) để xem xét, lựa chọn người đủ điều kiện, tiêu chuẩn và lập danh sách đề nghị lên ban thường vụ Hội cơ sở xét và ra quyết định kết nạp.

- Khi nhận được văn bản đề nghị xét kết nạp hội viên của chi Hội, ban thường vụ Hội cơ sở có trách nhiệm xem xét kết nạp vào cuộc họp gần nhất và ra quyết định kết nạp hội viên. Nếu có trường hợp không được xét kết nạp thì phải trả

lời bằng văn bản lý do không được kết nạp cho chi Hội để chi Hội thông báo cho người xin vào Hội biết.

- Khi có quyết định kết nạp hội viên, chi Hội mời những người có tên trong danh sách được kết nạp dự cuộc họp chi Hội gần nhất và công bố quyết định kết nạp hội viên mới (nơi có tổ Hội thì công bố tại tổ Hội nhưng phải thông báo cho toàn thể chi Hội biết vào kỳ họp gần nhất). Thời gian được công nhận là hội viên tính từ ngày ghi trên quyết định kết nạp.

1.4- Công tác quản lý hội viên

1.4.1- Cách thức quản lý hội viên:

- Chi Hội, tổ Hội, ban chấp hành Hội cơ sở phải có Sổ danh sách hội viên theo dõi kết nạp hội viên, sự biến động hội viên và phát Thẻ hội viên theo mẫu của Trung ương Hội ban hành.

- Các cấp Hội, nhất là cơ sở Hội có thể áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hội viên phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay.

- Các cấp Hội có trách nhiệm báo cáo đầy đủ tình hình biến động hội viên của cấp mình đối với Hội cấp trên trực tiếp. Đối với tổ Hội, chi Hội, cơ sở Hội thực hiện báo cáo hàng quý; đối với cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện báo cáo 6 tháng, 1 năm.

- Khi hội viên thay đổi nơi cư trú thì báo cáo chi Hội nơi đi, chi Hội có trách nhiệm báo cáo ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp. Đến nơi cư trú mới, hội viên báo cáo, xuất trình thẻ hội viên hoặc giấy giới thiệu của Hội theo mẫu của Trung ương Hội ban hành với tổ chức Hội cơ sở nơi đến cư trú để được tiếp tục tham gia sinh hoạt Hội.

1.4.2- Quản lý hội viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định; hội viên đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài; hội viên trở thành công nhân trong các khu công nghiệp, trong các doanh nghiệp ở nông thôn

Hội viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định là những hội viên rời khỏi địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đến địa phương khác để lao động với việc làm và thời gian không ổn định, không có điều kiện sinh hoạt Hội thường xuyên nơi cư trú.

Hội viên trở thành công nhân trong các khu công nghiệp, trong các doanh nghiệp ở nông thôn là những hội viên thường trú, sinh sống tại địa phương nhưng vào làm công nhân trong các khu công nghiệp, trong các doanh nghiệp; không trực tiếp sản xuất, kinh doanh về nông nghiệp và các nghề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn.

a) Trách nhiệm của hội viên:

- Đối với hội viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định:

+ Trước mỗi đợt đi lao động ở xa phải báo cáo với ban chấp hành chi Hội (qua chi hội trưởng) về địa chỉ nơi đến để chi Hội, Hội cơ sở hướng dẫn thủ tục chuyển sinh hoạt Hội tạm thời hoặc báo cáo chi Hội xin tạm dừng sinh hoạt (trong trường hợp nơi đến lao động không có tổ chức Hội và không thể tham gia sinh hoạt Hội được).

+ Khi đến nơi lao động, hội viên liên hệ với chi Hội, Hội cơ sở nơi đến để đăng ký tham gia sinh hoạt Hội; được dùng thẻ hội viên hoặc giấy giới thiệu chuyển sinh hoạt để sinh hoạt tạm thời.

+ Trường hợp hội viên đi lao động, hoặc làm ăn xa nhưng vẫn đi, về thường xuyên và đảm bảo sinh hoạt với chi Hội hoặc tổ Hội ít nhất 02 lần/năm, đóng hội phí đầy đủ, có đóng góp cho các hoạt động của chi Hội, tổ Hội thì vẫn là hội viên được tính vào số hội viên hiện có của chi Hội, tổ Hội.

- Đối với hội viên đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, trước khi đi phải báo cáo ban chấp hành chi Hội (qua chi hội trưởng) để được tạm dừng sinh hoạt Hội và số hội viên này không tính vào số hội viên hiện có của chi Hội khi báo cáo Hội cấp trên. Khi hội viên trở lại sinh sống ở địa phương thì báo cáo chi Hội để được xem xét tiếp tục tham gia sinh hoạt Hội.

- Hội viên làm công nhân trong các khu công nghiệp, trong các doanh nghiệp (đi khỏi nơi cư trú) không thể tham gia sinh hoạt Hội được thì trước khi đi làm phải báo cáo ban chấp hành chi Hội (qua chi hội trưởng) để được tạm dừng sinh hoạt Hội và số hội viên này không tính vào số hội viên hiện có của chi Hội khi báo cáo Hội cấp trên. Khi thôi làm công nhân, trở lại địa phương lao động, sản xuất, kinh doanh thì báo cáo chi Hội để được tiếp tục tham gia sinh hoạt Hội.

- Hội viên làm công nhân trong các khu công nghiệp, trong các doanh nghiệp nhưng vẫn sinh sống tại địa phương nếu vẫn tham gia sinh hoạt Hội thì phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người hội viên. Trong trường hợp, không thể tham gia sinh hoạt và các hoạt động của Hội được thì phải báo cáo ban chấp hành chi Hội (qua chi hội trưởng) để được tạm dừng sinh hoạt Hội và số hội viên này không tính vào số hội viên hiện có của chi Hội khi báo cáo Hội cấp trên. Khi thôi làm công nhân, trở lại lao động, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc liên quan đến nông nghiệp thì báo cáo chi Hội để được tiếp tục tham gia sinh hoạt Hội.

b) Trách nhiệm của cơ sở Hội nơi hội viên đi:

Chi Hội lập sổ theo dõi danh sách hội viên kèm theo địa chỉ nơi đến của số hội viên đi lao động ở xa, thời gian không ổn định; hội viên đi xuất khẩu lao động; hội viên làm công nhân trong các khu công nghiệp, trong các doanh nghiệp và báo

cáo cho Hội cơ sở để theo dõi. Hội cơ sở chuyển sinh hoạt hội tạm thời cho hội viên bằng giấy giới thiệu hoặc hướng dẫn hội viên dùng thẻ hội viên để đăng ký sinh hoạt tạm thời. Số hội viên này không tính vào số hội viên thực tế hiện có của chi Hội khi báo cáo với cấp trên.

c) Trách nhiệm của cơ sở Hội nơi hội viên đến:

- Hội cơ sở tiếp nhận thủ tục sinh hoạt tạm thời và giới thiệu hội viên về các chi Hội. Số hội viên này được tính vào số hội viên hiện có của chi Hội tiếp nhận khi báo cáo với Hội cấp trên.

- Những địa bàn tập trung đông hội viên là lao động tự do và đã có đăng ký tạm trú thì Hội cơ sở ở nơi đó có thể thành lập chi Hội hoặc tổ Hội trực thuộc để tổ chức sinh hoạt và các hoạt động cho hội viên.

1.4.3- Sinh hoạt của hội viên:

- Việc tổ chức sinh hoạt cho hội viên phải phù hợp với từng đối tượng, điều kiện lao động, công tác và học tập của hội viên.

+ Hội viên sinh sống và lao động ở nông thôn thì tham gia sinh hoạt tại chi Hội, tổ Hội được tổ chức theo địa bàn dân cư, theo nghề nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác...

+ Hội viên là học sinh thuộc trường trung học phổ thông sinh hoạt tại chi Hội, tổ Hội tại địa bàn nông thôn nơi đang sinh sống.

+ Hội viên là ủy viên ban chấp hành Hội Nông dân cấp huyện trở lên sinh hoạt tại các kỳ họp của ban chấp hành và các cuộc hội thảo, hội nghị... cấp mình tham gia.

+ Hội viên là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các nhà khoa học, nhà doanh nghiệp (nơi không có chi Hội, tổ Hội) thì tham gia sinh hoạt Hội tại cơ quan chuyên trách Hội Nông dân cấp huyện/cấp tỉnh/cấp trung ương tổ chức.

+ Hội viên là sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng, đại học sinh hoạt tại chi Hội, tổ Hội được thành lập trong trường hoặc sinh hoạt tại cơ quan chuyên trách Hội Nông dân cấp cơ sở/cấp huyện/cấp tỉnh/cấp trung ương trực tiếp quản lý.

+ Hội viên là giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại sinh hoạt tại tổ chức Hội nơi cư trú.

- Cách thức và nội dung sinh hoạt đối với hội viên là các nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, học sinh, sinh viên, trí thức trẻ do cơ quan chuyên trách Hội Nông dân cấp trực tiếp quản lý lựa chọn và chuẩn bị.

1.4.4- Xem xét miễn sinh hoạt:

- Đối với hội viên tuổi cao, sức yếu, hội viên ốm đau dài ngày, nếu vì lý do sức khỏe không tham gia sinh hoạt và các hoạt động của Hội được nhưng vẫn có nguyện

vọng gắn bó với tổ chức Hội thì báo cáo chi Hội xem xét để được miễn sinh hoạt và các hoạt động của Hội. Chi Hội báo cáo ban thường vụ Hội cơ sở biết theo dõi.

*** Nhiệm vụ, quyền lợi của hội viên được miễn sinh hoạt và hoạt động Hội.**

+ Nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ của hội viên được quy định tại Điều 4, Điều lệ Hội phù hợp với sức khỏe.

+ Quyền lợi: Được mời dự Hội nghị toàn thể hội viên. Được hưởng quyền lợi đầy đủ như hội viên đang tham gia sinh hoạt và hoạt động của Hội.

+ Nếu vi phạm tư cách hội viên vẫn bị xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Hội.

1.4.5- Trường hợp đưa ra khỏi danh sách hội viên và tổ chức Hội:

Đối với những hội viên không gắn bó, thiết tha với Hội và làm đơn xin ra khỏi Hội thì chi Hội báo cáo ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp để đưa ra khỏi danh sách hội viên và tổ chức Hội. Hội viên đã xin ra khỏi Hội thì không xem xét kết nạp lại.

1.4.6- Sử dụng huy hiệu Hội

Cán bộ, hội viên đeo huy hiệu Hội vào ngày lễ lớn của Hội, các hoạt động mang ý nghĩa chính trị - xã hội và các buổi sinh hoạt tập thể của Hội.

1.4.7- Phát và quản lý thẻ hội viên

- Thẻ hội viên có giá trị chứng nhận tư cách, trách nhiệm và quyền lợi chính trị - xã hội của hội viên, được cấp để thực hiện nhiệm vụ của hội viên và của Hội Nông dân Việt Nam. Thẻ hội viên do Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam quy định và phát hành.

- Hội viên được phát Thẻ trong lễ kết nạp hoặc chậm nhất không quá 3 tháng kể từ ngày được kết nạp vào Hội. Việc cấp Thẻ hội viên do ban thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố quyết định. Thẻ có dán ảnh và đóng dấu nổi của Hội Nông dân tỉnh, thành phố. Hội viên được nhận Thẻ hội viên phải thực hiện đúng những quy định về sử dụng và bảo quản thẻ hội viên.

- Thẻ hội viên chỉ được sử dụng trong công tác và sinh hoạt nội bộ Hội Nông dân và xuất trình khi cần.

- Hội viên không được cho người khác mượn thẻ; Thẻ hội viên không còn giá trị khi hội viên không còn tham gia tổ chức Hội.

- Hội viên bị xóa tên thì thu hồi thẻ. Ban thường vụ Hội cơ sở có trách nhiệm thu hồi thẻ và báo cáo Hội cấp trên trực tiếp.

- Khi thẻ bị mất hoặc hư hỏng thì phải báo cho chi Hội biết; chi Hội lập danh sách và có văn bản báo cáo lên Hội cấp trên đề nghị cấp lại hoặc đổi thẻ hội viên.



1.4.8- Trách nhiệm của các cấp Hội trong việc phát và quản lý thẻ hội viên

a) Hội cơ sở: Lập danh sách hội viên được đề nghị cấp thẻ và làm thủ tục đề nghị Hội cấp trên trực tiếp xem xét phát thẻ hội viên, cấp lại thẻ hội viên bị mất hoặc bị hỏng. Sau khi có quyết định phát thẻ của cấp Hội có thẩm quyền, chi Hội tổ chức phát thẻ hội viên tại cuộc họp chi Hội hoặc tổ Hội.

b) Hội cấp trên trực tiếp của tổ chức Hội cơ sở: Chỉ đạo, hướng dẫn, xem xét và lập danh sách đề nghị ban thường vụ Hội cấp tỉnh cấp thẻ hội viên; lập danh sách hội viên được phát thẻ và quản lý sổ phát thẻ hội viên.

c) Hội Nông dân tỉnh, thành phố: Ra quyết định phát thẻ hội viên, cấp lại thẻ hội viên bị mất hoặc bị hỏng; tổ chức viết thẻ hội viên. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Hội cấp dưới thực hiện việc phát và quản lý thẻ hội viên. Hằng năm báo cáo Trung ương ương Hội.

d) Đối với hội viên thuộc cấp huyện/cấp tỉnh/cấp trung ương quản lý thì cấp đó có trách nhiệm đề nghị hoặc quyết định cấp thẻ cho hội viên.

2. Điều 4. Nhiệm vụ của hội viên

- Thực hiện theo 3 nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Hội.

- Đối với hội viên là các nhà khoa học, các doanh nhân, cán bộ công tác ở các cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; học sinh, sinh viên, trí thức trẻ ngoài 3 nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Hội phải tích cực đóng góp công sức, tài năng, trí tuệ, ý tưởng vào việc xây dựng các chương trình, dự án, đề án, triển khai các hoạt động khoa học, xây dựng các mô hình và tổ chức các hoạt động của Hội thuộc lĩnh vực mà hội viên đó đang được đào tạo, nghiên cứu và công việc đang đảm nhận.

- Hội viên sinh hoạt tại đâu thì có trách nhiệm đóng hội phí tại đó.

3. Điều 5: Quyền lợi của hội viên

3.1- Quyền ứng cử, đề cử, bầu cử (Khoản 3):

- Hội viên có quyền ứng cử đề bầu vào ban chấp hành các cấp của Hội, dù hội viên đó là đại biểu hay không là đại biểu của đại hội.

- Việc ứng cử, đề cử, bầu cử thực hiện theo Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

- Người tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử là đảng viên thực hiện theo Quy định của Đảng cộng sản Việt Nam.

3.2- Một số quyền lợi khác đối với hội viên đặc thù

- Đối với hội viên là các nhà khoa học, cán bộ, công chức, viên chức công tác ở các cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

học sinh, sinh viên, trí thức trẻ nếu có chương trình, đề án, dự án, đề xuất, ý tưởng được lãnh đạo Hội Nông dân các cấp phê duyệt và được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả thì được hưởng chế độ thù lao và khen thưởng do cấp Hội trực tiếp quản lý hội viên quyết định và thực hiện.

- Đối với hội viên là học sinh, sinh viên nếu có công lao đóng góp tích cực, thiết thực, hiệu quả cho hoạt động của Hội thì được Hội Nông dân nơi trực tiếp quản lý hỗ trợ thông tin, kinh phí hoặc đỡ đầu một phần chi phí cho việc học tập tùy từng trường hợp và điều kiện cụ thể của từng địa phương để quyết định; hàng năm, được mời dự gặp mặt động viên và tặng quà. Kinh phí lấy từ nguồn tài trợ, vận động, hội phí và hoạt động dịch vụ hợp pháp của Hội.

- Đối với hội viên là sinh viên có đóng góp tích cực, hiệu quả cho hoạt động của Hội, khi tốt nghiệp loại giỏi hoặc xuất sắc thì được các cấp Hội giới thiệu để dự thi tuyển vào các cơ quan chuyên trách của Hội Nông dân ở các cấp theo quy định khi có nhu cầu.

4. Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

4.1- Nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động của cơ quan lãnh đạo Hội các cấp

- Hội Nông dân Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên.

- Hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ chỉ hợp lệ khi có mặt hai phần ba (2/3) số ủy viên được triệu tập trở lên. Nghị quyết ban chấp hành, ban thường vụ chỉ có giá trị khi quá một phần hai (1/2) tổng số ủy viên ban chấp hành hay ban thường vụ được triệu tập biểu quyết đồng ý.

Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Thành viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu ý kiến và được báo cáo với Hội cấp trên trực tiếp. Khi chưa có ý kiến của Hội cấp trên trực tiếp, thành viên đó phải chấp hành nghị quyết của tập thể và không được truyền bá ý kiến cá nhân và làm trái với nghị quyết. Khi thi hành, phải thực hiện nghị quyết của tập thể.

4.2- Cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội được bầu cử trực tiếp bằng phiếu kín.

Việc bầu cử thực hiện theo Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

- Trong trường hợp bầu không có số dư, khi bầu lần thứ nhất chưa đủ số lượng cần bầu, nếu đại hội hoặc hội nghị quyết định tiếp tục bầu lần thứ hai để bổ sung đủ số lượng còn thiếu, thì lựa chọn và giới thiệu nhân sự trong diện số dư mà ban chấp hành cấp triệu tập đại hội hoặc hội nghị đã chuẩn bị (nếu có); không giới thiệu nhân sự vừa bầu không trúng cử ở lần thứ nhất.

- Trường hợp những người bầu không trúng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội các cấp tại Đại hội hoặc hội nghị thì ít nhất phải 6 tháng sau nếu đủ tiêu chuẩn, uy tín thì mới giới thiệu để bầu lại.

4.3- Công tác bầu cử của Hội

Thực hiện theo Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

4.3.1- Việc bỏ phiếu kín áp dụng trong các trường hợp:

a) Bầu ban chấp hành trong đại hội, bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch hoặc bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ và chức danh chủ tịch, phó chủ tịch.

b) Bầu đại biểu đi dự đại hội Hội Nông dân cấp trên trực tiếp.

c) Bầu ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

4.3.2 - Bầu cử tại Hội nghị ban chấp hành, hội nghị ủy ban kiểm tra

- Triệu tập phiên họp đầu tiên của ban chấp hành khóa mới là đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch khóa trước được bầu tái cử. Nếu chủ tịch và phó chủ tịch khóa trước không tái cử thì Đoàn chủ tịch đại hội chỉ định triệu tập viên là một đồng chí mới được bầu vào ban chấp hành, chủ trì phiên họp cho đến khi bầu xong chủ tọa hội nghị.

- Hội nghị ban chấp hành bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Hội nghị ủy ban kiểm tra bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

- Ban chấp hành có quyền quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch, ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Số lượng ủy viên ban thường vụ không quá một phần ba (1/3) ủy viên ban chấp hành; số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra không nhiều hơn số lượng ủy viên ban thường vụ và thực hiện theo Đề án Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân các cấp nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

4.4- Quy trình, thủ tục công nhận kết quả bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch

Ban chấp hành, ban thường vụ và chức danh chủ tịch, các phó chủ tịch Hội từ cấp tỉnh trở xuống phải được ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp công nhận.

- Trong vòng 15 ngày làm việc, ban thường vụ khóa mới báo cáo lên ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp các biên bản bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch kèm theo danh sách trích ngang và tờ trình đề nghị công nhận kết quả bầu cử. Tờ trình do chủ tịch hoặc phó chủ tịch (đối với nơi chưa bầu chủ tịch) mới được bầu tại Hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất ký.

- Đồng chí chủ tịch, phó chủ tịch điều hành và ký các văn bản theo thẩm quyền ngay sau khi công bố kết quả bầu cử tại đại hội. Riêng kiện toàn bổ sung tại hội nghị ban chấp hành được điều hành các công việc ngay, nhưng chỉ khi có quyết định chuẩn y của ban thường vụ Hội cấp trên thì đồng chí chủ tịch, phó chủ tịch mới được ký các văn bản theo thẩm quyền.

- Trường hợp phát hiện có sự vi phạm Điều lệ Hội và nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì ban thường vụ cấp trên trực tiếp có quyền không công nhận kết quả bầu cử và chỉ đạo tiến hành bầu lại; hoặc thấy có một hoặc một số chức danh đã được bầu nhưng không đảm bảo nguyên tắc, tiêu chuẩn quy định thì có quyền không công nhận một hoặc một số chức danh đó.

- Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ của cấp dưới, ban thường vụ Hội cấp trên phải ra quyết định công nhận. Nếu không công nhận phải thông báo và nêu rõ lý do cho Hội cấp dưới biết bằng văn bản.

- Trường hợp đã có quyết định công nhận của ban thường vụ Hội cấp trên, sau đó mới phát hiện có sự vi phạm Điều lệ Hội và nguyên tắc, thủ tục bầu cử của Hội thì ban thường vụ cấp ra quyết định công nhận có quyền thu hồi và hủy quyết định công nhận đối với tất cả danh sách hoặc của một/một số người trong danh sách.

5. Điều 7: Hệ thống tổ chức của Hội

5.1- Hệ thống tổ chức Hội được thành lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

5.2- Tổ chức Hội được xác định tương đương với tổ chức Hội cơ sở được thành lập theo đơn vị hành chính là những tổ chức do ban thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thống nhất thành lập trong một số nông trường, lâm trường, hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... mà thực hiện chức năng, nhiệm vụ tương đương Hội Nông dân cấp cơ sở, được cấp ủy cùng cấp và ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Điều 8: Đại hội Hội Nông dân các cấp

6.1- Đại biểu đại hội

6.1.1- Số lượng đại biểu (khoản 1):

Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội xem xét, quyết định số lượng đại biểu dự đại hội căn cứ vào số lượng, đơn vị trực thuộc, số lượng hội viên và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trên cơ sở hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội và ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp.

Ở những nơi có số lượng hội viên dưới 100 thì tổ chức đại hội toàn thể hội viên trừ trường hợp đặc biệt sẽ do ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp quyết định trên cơ sở thống nhất ý kiến với cấp ủy của cấp triệu tập đại hội.

6.1.2- Thành phần đại biểu (khoản 2):

- Ủy viên ban chấp hành thuộc cấp triệu tập đại hội ở đơn vị nào là đại biểu chính thức của đoàn đại biểu đơn vị đó. Đối với ủy viên ban chấp hành cơ cấu, không chuyên trách thì thuộc đoàn đại biểu của cơ quan Hội chuyên trách cấp triệu tập đại hội.

- Đại biểu do đại hội, hội nghị đại biểu cấp dưới bầu lên theo phân bổ số lượng của ban chấp hành cấp triệu tập đại hội. Ban chấp hành cấp triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu đại hội theo những căn cứ chủ yếu sau:

+ Số lượng hội viên.

+ Số lượng tổ chức Hội trực thuộc cấp đó.

+ Tính đặc thù, những đặc điểm về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, tôn giáo, dân tộc...

- Đại biểu chỉ định: Đại biểu chỉ định là những đại biểu do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội quyết định ngoài số đại biểu đương nhiên và đại biểu bầu. Chỉ chỉ định những trường hợp cần thiết và phải bảo đảm tiêu chuẩn đại biểu. Không chỉ định những người đã bầu cử ở cấp dưới không trùng cử chính thức hoặc dự khuyết làm đại biểu của đại hội. Số lượng đại biểu được chỉ định không quá 5% số lượng đại biểu chính thức của đại hội.

6.1.3- Bầu đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết dự đại hội cấp trên

Việc bầu cử đại biểu dự đại hội cấp trên (cả chính thức và dự khuyết) thực hiện theo Quy chế bầu cử trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam.

6.1.4- Thay thế đại biểu

Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp triệu tập đại hội quyết định.

- Nguyên tắc thay thế đại biểu:

+ Đại biểu dự khuyết được bầu thuộc đoàn đại biểu nào thì được thay thế đại biểu chính thức của đoàn đại biểu đó.

+ Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp; nếu phiếu bầu bằng nhau thì người có thành tích nổi trội, có quá trình cống hiến cho tổ chức Hội và phong trào nông dân nhiều hơn sẽ được ưu tiên lựa chọn và trên cơ sở có tính đến yếu tố cơ cấu của đề án đoàn đại biểu.

- Khi đại biểu chính thức đã được bầu tại đại hội vắng mặt có lý do chính đáng thì đại biểu dự khuyết thay thế. Ban thường vụ Hội nơi có sự thay đổi đại biểu phải có tờ trình báo cáo lý do và đề cử đại biểu dự khuyết thay thế gửi ban

thường vụ Hội cấp triệu tập đại hội và phải được ban thường vụ Hội cấp triệu tập đại hội đồng ý bằng văn bản.

Trường hợp đã thay thế hết số đại biểu dự khuyết mà số đại biểu chính thức đã được bầu vẫn thiếu, nếu cần thiết thì ban chấp hành cấp triệu tập đại hội xem xét, quyết định chỉ định bổ sung theo đề nghị của ban thường vụ Hội cấp dưới nhưng với điều kiện tổng số đại biểu chỉ định vẫn nằm trong giới hạn tỉ lệ 5% so với tổng số đại biểu được triệu tập.

6.1.5- Bác bỏ tư cách đại biểu

Đại hội cấp triệu tập có trách nhiệm xem xét bác bỏ tư cách đại biểu trong các trường hợp sau:

- Đại biểu đang trong thời gian bị cơ quan pháp luật khởi tố, truy tố. Đại biểu được bầu đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- Đại biểu được bầu không đúng quy định của Điều lệ Hội.

- Trong thời gian đang diễn ra đại hội, đại biểu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy đại hội gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức Hội.

6.2- Về kéo dài hoặc rút ngắn thời gian nhiệm kỳ đại hội (khoản 4)

- Các trường hợp đặc biệt có thể tổ chức đại hội sớm hoặc muộn hơn nhưng không được quá một năm (mười hai tháng), bao gồm:

Khi có thay đổi địa giới hành chính (chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thành lập mới) theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp có quyền quyết định điều chỉnh thời gian nhiệm kỳ đại hội lần thứ nhất để phù hợp với thời gian nhiệm kỳ đại hội Hội cùng cấp trong cả hệ thống Hội. Nhiệm kỳ của tổ chức Hội mới không nhất thiết phải đủ 5 năm.

- Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét, quyết định kéo dài, rút ngắn nhiệm kỳ đại hội Hội cấp tỉnh khi cần. Ban thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh xem xét, quyết định kéo dài, rút ngắn nhiệm kỳ đại hội Hội Nông dân cấp huyện và cấp cơ sở để phù hợp với nhiệm kỳ chung.

- Trước khi quyết định việc kéo dài hoặc rút ngắn thời gian nhiệm kỳ đại hội phải báo cáo và được sự đồng ý (bằng văn bản) của ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp và cấp ủy cùng cấp của cấp triệu tập đại hội.

- Đối với Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thảo luận, thống nhất, báo cáo xin ý kiến Ban Bí thư Trung ương Đảng.

6.3- Hội nghị đại biểu

6.3.1- Số lượng đại biểu:

Không nhiều hơn số lượng đại biểu của đại hội nhiệm kỳ. Việc phân bổ số lượng đại biểu của hội nghị đại biểu như căn cứ phân bổ số lượng đại biểu đại hội.

6.3.2- Thành phần đại biểu của Hội nghị đại biểu:

- Ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên mà chưa hết thời hạn áp dụng (Kể cả kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể).

- Các đại biểu do ban chấp hành cấp dưới cử lên, gồm:

+ Cán bộ chủ chốt của ban chấp hành cấp dưới.

+ Một số cán bộ Hội chuyên trách, không chuyên trách.

+ Hội viên tiêu biểu.

Danh sách đại biểu dự hội nghị đại biểu cấp trên do ban chấp hành cấp dưới thảo luận, thống nhất đề nghị; ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị quyết định chuẩn y và triệu tập.

7. Điều 9: Ban chấp hành Hội Nông dân các cấp

7.1- Xây dựng ban chấp hành khóa mới (khoản 1)

Xây dựng ban chấp hành phải bảo đảm các yếu tố, tiêu chuẩn do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định.

7.1.1- Tiêu chuẩn, điều kiện tham gia ban chấp hành

Trên cơ sở chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Hội, Ban Thường vụ Trung ương Hội có văn bản hướng dẫn trước mỗi kỳ đại hội theo các quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước có liên quan; đối với tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội sẽ do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định.

7.1.2- Cơ cấu ban chấp hành

- Cán bộ chuyên trách, không chuyên trách, chủ chốt các cấp Hội; nhà khoa học, giám đốc hợp tác xã/chủ tịch Hội đồng quản trị hợp tác xã, chủ trang trại, hội viên tiêu biểu có điều kiện và khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

- Chú trọng cán bộ trưởng thành từ phong trào nông dân, từ cơ sở. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội...

- Những cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, nếu có đủ điều kiện và tín nhiệm, được cấp ủy Đảng và ban chấp hành Hội cùng cấp giới thiệu thì được đề cử để đại hội bầu vào ban chấp hành hoặc hội nghị ban chấp hành bầu bổ sung vào ban chấp hành Hội các cấp.

7.1.3- Số lượng ủy viên ban chấp hành Hội các cấp

- Trước mỗi kỳ Đại hội căn cứ vào chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội, Ban Thường vụ Trung ương Hội

hướng dẫn cụ thể việc chuẩn bị và tiến hành đại hội hội nông dân các cấp, trong đó có quy định về số lượng (*tối đa, tối thiểu*) của ban chấp hành các cấp. Ban chấp hành Hội Nông dân cấp tỉnh căn cứ vào hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội để cụ thể hoá và hướng dẫn ban chấp hành Hội Nông dân cấp dưới thực hiện.

- Số lượng uỷ viên ban chấp hành cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, nhưng phải đảm bảo số lượng tối thiểu và không vượt quá số lượng tối đa do ban thường vụ cấp trên trực tiếp hướng dẫn.

7.2- Bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch (khoản 2)

Chỉ bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch khi khuyết các chức danh đó.

7.2.1- Các trường hợp bầu bổ sung

- Bầu chưa đủ số lượng do đại hội hoặc hội nghị quyết định.
- Khi uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác (không thuộc cơ cấu ban chấp hành, ban thường vụ), bị kỷ luật cách chức hoặc vì lý do cá nhân khác xin rút tên.

- Trong trường hợp khi sáp nhập, hợp nhất số uỷ viên ban chấp hành khuyết so với đề án thì có thể xem xét đề bầu bổ sung.

7.2.2- Nguyên tắc bầu bổ sung

- Bầu bổ sung ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch phải đảm bảo đúng cơ cấu, số lượng và tiêu chuẩn đã được đại hội hoặc hội nghị thông qua.

- Trước khi bầu bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch ở mỗi cấp, ban thường vụ cấp đề nghị phải có văn bản báo cáo cụ thể và phải được sự thống nhất, đồng ý của cấp uỷ cùng cấp theo quy định phân cấp quản lý cán bộ và ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp bằng văn bản. Văn bản đề nghị kiện toàn, bổ sung cần ghi rõ lý do bổ sung.

- Bổ sung người chưa là uỷ viên ban chấp hành vào ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch của cấp đó: ban chấp hành tiến hành bầu bổ sung người đó vào ban chấp hành sau đó bầu vào ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch.

- Trong cùng một cuộc họp, người vừa được bầu bổ sung trúng cử vào ban chấp hành được quyền ứng cử, đề cử và bầu cử các chức danh khác tại cuộc họp đó.

7.2.3- Quy trình, thủ tục, hồ sơ kiện toàn nhân sự và công nhận kết quả bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch

a) Quy trình, thủ tục kiện toàn và công nhận uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ

*** Quy trình:**

Bước 1: Khi ban chấp hành, ban thường vụ Hội Nông dân cấp nào khuyết ủy viên thì ban thường vụ cấp đó căn cứ đề án ban chấp hành đã được thông qua tại đại hội và đề án ban thường vụ đã được ban chấp hành thông qua tại hội nghị lần thứ nhất; kết quả quy hoạch các chức danh đã được cấp ủy phê duyệt; tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh; thảo luận, thống nhất lựa chọn nhân sự dự kiến giới thiệu bầu bổ sung vào ban chấp hành, ban thường vụ. Báo cáo cấp ủy cùng cấp và ban thường vụ Hội Nông dân cấp trên trực tiếp (bằng văn bản) đề xin ý kiến về chủ trương kiện toàn nhân sự.

Bước 2: Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét, cho ý kiến và trả lời bằng văn bản.

Bước 3: Khi có ý kiến đồng ý của cấp ủy cùng cấp và ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp, ban thường vụ Hội Nông dân cấp bầu bổ sung triệu tập hội nghị ban chấp hành và tiến hành bầu bổ sung các chức danh theo quy định.

Bước 4: Ban thường vụ Hội Nông dân cấp bầu bổ sung hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định công nhận.

*** Hồ sơ kiện toàn:**

- Hồ sơ xin chủ trương kiện toàn, bổ sung nhân sự

+ Tờ trình của ban thường vụ Hội Nông dân cấp bầu bổ sung xin chủ trương kiện toàn ban chấp hành, ban thường vụ (cần nêu rõ lý do và tình hình ban chấp hành, ban thường vụ ở thời điểm kiện toàn).

+ Danh sách trích ngang nhân sự cụ thể.

+ Đối với nhân sự là ủy viên ban thường vụ phải có thêm lý lịch theo mẫu 2C/TCTW-98 của Ban Tổ chức Trung ương quy định.

- Hồ sơ đề nghị công nhận các chức danh kiện toàn, bổ sung

+ Tờ trình của ban thường vụ Hội Nông dân cấp bầu bổ sung đề nghị công nhận chức danh kiện toàn.

+ Trích biên bản Hội nghị ban chấp hành (phần điều hành kiện toàn nhân sự).

+ Biên bản kiểm phiếu bầu từng chức danh.

b) Quy trình, thủ tục kiện toàn và công nhận chức danh chủ tịch, phó chủ tịch

*** Quy trình:**

Bước 1: Khi khuyết các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch cấp nào, thì tổ chức Đảng, ban thường vụ Hội Nông dân cấp đó căn cứ đề án ban thường vụ đã được hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất thông qua và kết quả quy hoạch các chức danh đã

được cấp ủy phê duyệt; thảo luận, thống nhất phương án và xin ý kiến ban thường vụ cấp ủy cùng cấp và ban thường vụ hội nông dân cấp trên trực tiếp cho chủ trương kiện toàn.

Bước 2: Thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định, có thể thực hiện một trong các trường hợp sau:

- Trên cơ sở phương án đã được phê duyệt tại bước 1, tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy trình công tác cán bộ (trong đó có việc thảo luận, lấy phiếu tín nhiệm và thống nhất trong tổ chức Đảng, ban thường vụ, ban chấp hành) để giới thiệu nhân sự cụ thể đối với từng chức danh.

- Căn cứ giới thiệu của ban thường vụ cấp ủy về nhân sự cụ thể để thực hiện quy trình kiện toàn.

- Tùy theo tình hình thực tế của địa phương, tổ chức Đảng, ban thường vụ Hội Nông dân cấp kiện toàn có thể lựa chọn nhân sự phù hợp để tham mưu với cấp ủy cho thực hiện quy trình công tác cán bộ.

Bước 3: Sau khi có phương án nhân sự cụ thể:

- Đối với Hội Nông dân các tỉnh, thành phố: Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh/thành phố tham mưu cho ban thường vụ tỉnh/thành ủy có văn bản trao đổi với Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam về chủ trương và nhân sự cụ thể dự kiến kiện toàn chức danh chủ tịch, phó chủ tịch của Hội Nông dân tỉnh/thành phố.

- Đối với Hội Nông dân cấp huyện, cấp cơ sở: Ban thường vụ Hội Nông dân cấp huyện, cấp cơ sở tham mưu cho cấp ủy cùng cấp có văn bản trao đổi với ban thường vụ Hội Nông dân cấp trên về chủ trương và nhân sự cụ thể dự kiến kiện toàn chức danh chủ tịch, phó chủ tịch của cấp huyện hoặc cấp xã.

Bước 4: Trên cơ sở chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp và ý kiến đồng ý bằng văn bản về chủ trương kiện toàn nhân sự của Đảng đoàn (hoặc ban thường vụ) Hội cấp trên trực tiếp, ban thường vụ Hội Nông dân nơi kiện toàn triệu tập hội nghị ban chấp hành tiến hành bầu bổ sung các chức danh theo quy định.

Bước 5: Ban thường vụ Hội Nông dân nơi kiện toàn hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình ban thường vụ cấp trên trực tiếp xem xét quyết định công nhận.

*** Hồ sơ đề nghị kiện toàn và công nhận các chức danh:**

- Hồ sơ xin ý kiến kiện toàn, bổ sung nhân sự:

- + Đề nghị cấp ủy có văn bản gửi Đảng đoàn (đối với trung ương, tỉnh, thành phố), ban thường vụ Hội Nông dân (đối với cấp huyện, cấp xã) trao đổi về công tác cán bộ để thống nhất chủ trương và nhân sự cụ thể kiện toàn chức danh chủ tịch, phó chủ tịch (Kèm theo trích ngang lý lịch nhân sự dự kiến giới thiệu).

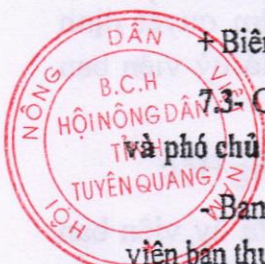
+ Tờ trình của ban thường vụ Hội Nông dân nơi kiện toàn gửi ban thường vụ Hội Nông dân cấp trên trực tiếp báo cáo tình hình ban chấp hành, ban thường vụ, nhân sự chủ tịch, phó chủ tịch. Trên cơ sở đó, xin ý kiến và chủ trương kiện toàn chức danh chủ tịch, phó chủ tịch (Kèm theo sơ yếu lý lịch cán bộ theo mẫu 2C/TCTW-98; Văn bản điều động, phân công công tác của cấp ủy đối với nhân sự được luân chuyển (nếu có).

- Hồ sơ đề nghị công nhận chức danh được kiện toàn, bổ sung

+ Tờ trình của ban thường vụ Hội Nông dân nơi kiện toàn đề nghị công nhận chức danh được kiện toàn, bổ sung.

+ Trích biên bản Hội nghị ban chấp hành (phần điều hành kiện toàn nhân sự).

+ Biên bản kiểm phiếu bầu từng chức danh.



7.3. Chỉ định ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, chủ tịch và phó chủ tịch các cấp Hội (khoản 3):

- Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp chỉ định ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ và các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch trong trường hợp tổ chức Hội mới được thành lập hoặc được thành lập mới do có sự thay đổi về địa giới hành chính như chia tách, sáp nhập, hợp nhất trong nhiệm kỳ; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ mới cho phù hợp.

- Trong trường hợp thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ ở cơ sở theo chỉ đạo của cấp ủy, số lượng ủy viên ban chấp hành Hội cấp xã hoặc của chi Hội còn dưới 50% so với tổng số ủy viên ban chấp hành theo Đề án được Đại hội thông qua, thì ban thường vụ Hội Nông dân cấp huyện có quyền chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành Hội Nông dân cấp xã; ban thường vụ Hội Nông dân cấp xã có quyền chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành chi Hội. Số lượng ủy viên ban chấp hành cấp xã hoặc của chi Hội sau khi đã được chỉ định bổ sung không được vượt quá 2/3 tổng số ủy viên ban chấp hành theo đề án đã được đại hội thông qua.

Quy trình chỉ định

- Trường hợp chia tách, ban thường vụ Hội khóa đương nhiệm nơi có sự thay đổi về địa giới hành chính báo cáo về dự kiến nhân sự phù hợp với cơ cấu tổ chức mới với Hội cấp trên trực tiếp sau khi có sự thống nhất của cấp ủy cùng cấp; ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp làm việc với ban chấp hành khóa đương nhiệm và cấp ủy nơi có sự thay đổi về địa giới hành chính dự kiến nhân sự để chỉ định.

- Trường hợp sáp nhập, hợp nhất hoặc thành lập mới tổ chức Hội, ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp làm việc với ban chấp hành Hội và cấp ủy của các tổ chức Hội được sáp nhập, hợp nhất hoặc thành lập mới.

- Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp ra quyết định chỉ định ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, chủ tịch và phó chủ tịch.

7.4- Việc đương nhiên không còn là ủy viên ban chấp hành; cho rút tên khỏi ban chấp hành, ban thường vụ, thôi giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch (khoản 5, 6):

- Ủy viên ban chấp hành có quyết định nghỉ hưu hoặc có thông báo nghỉ công tác (kể từ thời điểm quyết định nghỉ hưu hoặc thông báo nghỉ công tác có hiệu lực thi hành) thì đương nhiên không còn là ủy viên ban chấp hành và các chức vụ khác do ban chấp hành bầu.

- Ủy viên ban chấp hành chuyển công tác khác mà vị trí công tác mới không thuộc thành phần cơ cấu tham gia ban chấp hành kể từ thời điểm quyết định chuyển công tác có hiệu lực thi hành thì đương nhiên không còn là ủy viên ban chấp hành.

- Đối với ủy viên ban chấp hành chuyển công tác trong hệ thống Hội:

+ Trường hợp ủy viên ban chấp hành Hội cấp dưới (không là ủy viên ban chấp hành Hội cấp trên) khi chuyển công tác lên cơ quan chuyên trách Hội cấp trên thì đương nhiên thôi tham gia ban chấp hành Hội cấp dưới.

+ Trường hợp ủy viên ban chấp hành Hội cấp dưới đồng thời là ủy viên ban chấp hành Hội cấp trên nếu chuyển công tác lên cơ quan chuyên trách Hội cấp trên thì đương nhiên thôi tham gia ban chấp hành Hội cấp dưới; việc tham gia hay không tham gia ban chấp hành Hội cấp trên do ban chấp hành Hội cấp trên quyết định.

- Ủy viên ban chấp hành giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thành phần cơ cấu tham gia ban chấp hành khi có quyết định thôi giữ chức vụ cũng đương nhiên không còn là ủy viên ban chấp hành.

- Đối với người tham gia ban chấp hành nhiều cấp: Nếu bị kỷ luật cách chức hoặc rút tên khỏi ban chấp hành cấp dưới thì không còn là ủy viên ban chấp hành của các cấp trên.

- Đối với các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch Hội các cấp trước khi cho rút tên hoặc thôi tham gia ban chấp hành phải báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của cấp ủy đảng cùng cấp và Hội cấp trên trực tiếp.

- Nếu rút tên trong ban chấp hành thì không còn là ủy viên ban thường vụ và không còn giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch (nếu có). Nếu chỉ rút tên trong ban thường vụ thì không còn giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch (nếu có) nhưng vẫn còn là ủy viên ban chấp hành. Nếu chỉ thôi giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch thì vẫn còn là ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành.

8. Khoản 4, Điều 10: Thành lập, chia tách, sáp nhập, chấm dứt hoạt động tổ chức Hội

8.1- Thành lập tổ chức Hội

a) **Thẩm quyền:** Việc thành lập tổ chức Hội do Hội cấp trên trực tiếp quyết định sau khi hiệp y chủ trương thống nhất với cấp ủy cùng cấp.

b) **Quy trình, thủ tục:**

- Cấp ủy Đảng nơi dự kiến thành lập tổ chức Hội gửi hồ sơ đến tổ chức Hội có thẩm quyền thành lập, gồm:

+ Văn bản đề nghị thành lập tổ chức Hội tại địa phương.

+ Đề án thành lập tổ chức Hội.

+ Dự thảo phương hướng hoạt động của tổ chức Hội trong thời gian lâm thời.

+ Danh sách trích ngang ban chấp hành lâm thời dự kiến chỉ định.

+ Lý lịch theo mẫu quy định đối với các chức danh ủy viên ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch.

+ Danh sách hội viên.

- Tổ chức Hội có thẩm quyền tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; làm việc với cấp ủy nơi thành lập.

- Tổ chức Hội có thẩm quyền ra quyết định thành lập, phối hợp với cấp ủy tổ chức lễ công bố quyết định thành lập.

Lưu ý: Trong trường hợp Hội cấp trên có chủ trương thành lập Hội cấp dưới thì chủ động làm việc với cấp ủy cấp dưới để thống nhất chủ trương thành lập.

8.2- Chia tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức Hội

a) **Chia tách tổ chức Hội trong các trường hợp:** Có sự chia tách đơn vị hành chính thành các đơn vị (như chia tách một tỉnh, huyện, xã thành nhiều tỉnh, huyện, xã) theo đó, tổ chức Hội thuộc các đơn vị này cũng chia tách thành hai hay nhiều tổ chức Hội.

b) **Sáp nhập, hợp nhất tổ chức Hội trong các trường hợp:** Có sự sáp nhập hoặc hợp nhất đơn vị hành chính thành một tổ chức Hội (như sáp nhập hoặc hợp nhất hai hay nhiều tỉnh, huyện, xã thành một tỉnh, huyện, xã) theo đó, tổ chức Hội thuộc các đơn vị này cũng sáp nhập, hợp nhất thành một tổ chức Hội.

Việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức Hội có thể diễn ra đồng thời trong trường hợp chia tách các bộ phận của hai hay nhiều đơn vị hành chính để sáp nhập hoặc hợp nhất các bộ phận đó lại thành một đơn vị (như tách một hay nhiều huyện của hai hay nhiều tỉnh để thành lập tỉnh mới; tách một hay nhiều xã của hai

hay nhiều huyện để thành lập một huyện mới; tách một hay nhiều thôn, ấp, bản của một hay nhiều xã để thành lập một xã mới) theo đó tổ chức Hội của những đơn vị này cũng được chia tách để sáp nhập, hợp nhất thành một tổ chức Hội mới.

Việc xác định cấp của tổ chức Hội được chia tách, sáp nhập, hợp nhất do Hội cấp trên trực tiếp quyết định.

c) Thẩm quyền quyết định chia tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức Hội

- Chia tách tổ chức Hội:

- Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét quyết định việc chia tách tổ chức Hội, sau khi thống nhất với cấp ủy Đảng của đơn vị chia tách.

- Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường

vụ, chủ tịch, phó chủ tịch của các tổ chức Hội mới chia tách.

- Sáp nhập, hợp nhất tổ chức Hội:

- Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét quyết định việc sáp nhập, hợp nhất tổ chức Hội sau khi thống nhất với cấp ủy Đảng của đơn vị mới sáp nhập, hợp nhất.

- Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch của các tổ chức Hội mới sáp nhập, hợp nhất

d) Hồ sơ chia tách; sáp nhập, hợp nhất gồm:

+ Văn bản đề nghị của ban thường vụ Hội nơi được chia tách hoặc sáp nhập, hợp nhất các tổ chức Hội gửi ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp.

+ Đề án chia tách hoặc sáp nhập, hợp nhất tổ chức Hội có ý kiến nhất trí của cấp ủy.

+ Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc chia tách hoặc sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính.

e) Trường hợp chia tách để sáp nhập thành một tổ chức Hội mới thì thẩm quyền quyết định và thủ tục như thành lập tổ chức Hội mới.

8.3- Chấm dứt hoạt động tổ chức Hội

a) Trường hợp áp dụng: Khi một địa bàn nông nghiệp trở thành đô thị, không còn ngành nghề nông nghiệp, nông dân đã chuyển đổi nghề không còn liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn và ở đó chi hội, cơ sở Hội, Hội cấp huyện không còn đủ số lượng hội viên theo quy định, không còn phù hợp về mặt tổ chức..., tổ chức Hội ở đơn vị đó có nguyện vọng chấm dứt hoạt động (bằng văn bản) thì ban chấp hành của tổ chức Hội nơi muốn chấm dứt hoạt động đề nghị ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét quyết định. Việc chấm dứt hoạt động một tổ chức Hội phải có sự trao đổi thống nhất giữa ban

thường vụ Hội cấp trên trực tiếp với cấp ủy nơi có tổ chức Hội đề nghị chấm dứt hoạt động. Đồng thời, ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp báo cáo cấp ủy cùng cấp của mình và ra quyết định chấm dứt hoạt động.

b) Quy trình, thủ tục chấm dứt hoạt động:

- Ban chấp hành tổ chức Hội đơn vị có nhu cầu chấm dứt hoạt động báo cáo thực trạng công tác Hội và phong trào nông dân, tình hình tổ chức Hội của đơn vị mình đồng thời đề xuất phương án giải quyết với Hội cấp trên trực tiếp và cấp ủy cùng cấp.

- Có văn bản đề nghị được chấm dứt hoạt động gửi ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp.

- Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp làm việc với ban chấp hành tổ chức Hội nơi muốn chấm dứt hoạt động và cấp ủy trực tiếp quản lý, xác định rõ lý do chấm dứt hoạt động; đồng thời báo cáo cấp ủy cùng cấp về phương án giải quyết.

- Khi có quyết định chấm dứt hoạt động, ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp của tổ chức Hội được chấm dứt hoạt động thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan biết và thu hồi lại con dấu.

3.4- Chuyển giao và tiếp nhận tổ chức Hội

Chuyển giao và tiếp nhận một tổ chức Hội được tiến hành khi có sự thay đổi địa giới hành chính.

a) Cấp chuyển giao, tiếp nhận:

- Ban thường vụ Hội cơ sở chuyển giao, tiếp nhận chi hội.

- Ban thường vụ Hội cấp huyện chuyển giao, tiếp nhận Hội cơ sở.

- Ban thường vụ Hội cấp tỉnh chuyển giao, tiếp nhận Hội cấp huyện.

b) Thủ tục chuyển giao và tiếp nhận:

- Công văn đề nghị của tổ chức Hội chuyển đi gửi ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp và cấp Hội tiếp nhận

- Công văn của Hội cấp trên trực tiếp có tổ chức Hội chuyển đi gửi cấp Hội tiếp nhận.

- Danh sách ban chấp hành, cán bộ Hội chuyên trách.

- Báo cáo số lượng, chất lượng hội viên.

- Quyết định của cấp Hội có trách nhiệm tiếp nhận.

c) Nội dung chuyển giao và tiếp nhận:

- Tình hình tư tưởng của cán bộ, hội viên

- Công tác tổ chức cán bộ.

- Trường hợp cấp cơ sở Hội và quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh không còn tổ chức Hội mà còn chi Hội thì ban thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo và thống nhất với cấp ủy xã, phường, thị trấn cử cán bộ theo dõi chi Hội đó. Việc công nhận ban chấp hành, chi hội trưởng, chi hội phó do ban thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quyết định.

9.3- Quy trình, thủ tục thành lập tổ chức cơ sở Hội :

- Khi một đơn vị có đủ điều kiện và có nguyện vọng thành lập tổ chức cơ sở Hội, ban thường vụ Hội Nông dân cấp trên trực tiếp làm việc với cấp ủy nơi có nhu cầu thành lập để thống nhất về việc thành lập tổ chức cơ sở Hội, kết nạp hội viên, xem xét, lựa chọn nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ và chức danh chủ chốt.

- Thủ tục:

+ Văn bản đề nghị thành lập của cấp ủy nơi có nguyện vọng thành lập cơ sở Hội.

+ Đề án mô hình tổ chức cơ sở Hội và nhân sự cơ quan lãnh đạo mới.

+ Danh sách hội viên (nếu có); danh sách và đơn xin tham gia tổ chức Hội của nông dân và lao động khác.

+ Danh sách trích ngang đề cử ban chấp hành, ban thường vụ và chức danh lãnh đạo.

- Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp trên trực tiếp ra quyết định công nhận hội viên, quyết định thành lập tổ chức cơ sở Hội và chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ và chức danh lãnh đạo của tổ chức Hội được thành lập.

- Tổ chức lễ ra mắt và công bố quyết định thành lập.

10. Điều 13: Chi Hội

10.1- Vai trò, vị trí của chi Hội: Chi Hội là đơn vị hành động, là tế bào của Hội và là hạt nhân nòng cốt đoàn kết, tập hợp hội viên, nông dân.

10.2- Mô hình tổ chức chi Hội: Chi Hội tổ chức theo thôn, ấp, bản, làng, khu phố phù hợp với địa bàn dân cư và sự lãnh đạo của chi bộ; theo hợp tác xã, theo nghề nghiệp; chi Hội có thể được thành lập trong các trường trung cấp, cao đẳng, đại học.

Chi Hội nghề nghiệp trực thuộc Hội cơ sở; chi Hội trong các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, trong các nhà khoa học, trí thức trẻ có thể trực thuộc cơ sở Hội hoặc cấp huyện/cấp tỉnh/cấp Trung ương quản lý.

Chi Hội có 100 hội viên trở lên thì được chia thành các tổ Hội theo địa bàn, đối tượng, tổ hợp tác, nghề nghiệp, sở thích. Chi Hội theo địa bàn dân cư nhưng hội viên sinh sống phân tán trên địa bàn rộng, đi lại khó khăn thì dưới 100 hội viên

vẫn có thể chia thành các tổ Hội để thuận tiện cho việc sinh hoạt và tổ chức các hoạt động của Hội.

Ngoài mô hình trên, tại các cơ sở Hội, có thể hình thành các câu lạc bộ, nhóm/tổ hội viên nông dân có tính chất đặc thù thuộc sự quản lý, điều hành của ban chấp hành cơ sở Hội hoặc của ban chấp hành chi Hội.

10.3- Quy trình, thủ tục thành lập chi Hội

- Khi một đơn vị có đủ điều kiện và có nguyện vọng thành lập chi Hội, ban thường vụ Hội Nông dân cấp trên trực tiếp quản lý trao đổi thống nhất với cấp ủy quản lý của nơi có nhu cầu thành lập chi Hội; đồng thời xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp để thống nhất về việc thành lập chi Hội, kết nạp hội viên, lựa chọn nhân sự cán bộ chi Hội (ban chấp hành, chi hội trưởng, chi hội phó).

- Thủ tục:

- + Văn bản của cấp ủy đảng nơi có nguyện vọng thành lập chi Hội.
- + Danh sách hội viên; danh sách, đơn xin tham gia tổ chức Hội của nông dân và các đối tượng khác liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- + Danh sách trích ngang đề cử cán bộ chi Hội.

- Ban thường vụ Hội Nông dân cấp trên trực tiếp ra quyết định công nhận hội viên, quyết định thành lập chi Hội.

- Tổ chức lễ ra mắt và công bố quyết định thành lập.

10.4- Đại hội chi Hội: Chi Hội tổ chức đại hội toàn thể hội viên hoặc đại hội đại biểu hội viên (đối với chi Hội có trên 100 hội viên trở lên) để bầu ban chấp hành và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên (nếu có). Ban chấp hành tổ chức hội nghị bầu chi hội trưởng, chi hội phó.

Trường hợp chi Hội có trên 100 hội viên mà vẫn có nguyện vọng tổ chức đại hội toàn thể hoặc chi Hội có dưới 100 hội viên nhưng muốn tổ chức đại hội đại biểu thì phải được sự đồng ý của cấp ủy cùng cấp và Hội cấp trên trực tiếp. Số lượng đại biểu dự đại hội chi Hội (nếu là đại hội đại biểu), số lượng ban chấp hành, chi hội phó của chi hội do ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp quản lý hướng dẫn trên cơ sở được sự đồng ý của cấp ủy cùng cấp và Hội cấp trên trực tiếp. Số lượng chi hội phó có thể từ 1 - 3, tùy thuộc vào quy mô tổ chức và số lượng hội viên của từng chi Hội.

Cơ cấu ban chấp hành chi hội gồm: Chi hội trưởng, chi hội phó, các tổ trưởng tổ hội, tổ hội nghề nghiệp và một số tổ chức khác có liên quan (nếu thấy cần thiết). Số lượng ban chấp hành chi Hội do ban thường vụ Hội cấp cơ sở hoặc ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét quyết định, trên cơ sở được sự đồng ý của cấp ủy quản lý.

Ban chấp hành chi hội, chi hội trưởng, chi hội phó phải được ban thường vụ Hội cơ sở (hoặc ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp) ra quyết định công nhận.

10.5- Chi Hội họp định kỳ 3 tháng 01 lần, khi cần thiết có thể họp bất thường, ban chấp hành chi Hội họp định kỳ 01 tháng 01 lần, khi cần thiết có thể họp bất thường.

10.6- Nhiệm kỳ của chi Hội là 05 năm. Trường hợp đặc biệt có thể tổ chức sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá 12 tháng và phải được ban chấp hành cơ sở Hội (hoặc ban thường vụ Hội cấp trực tiếp quản lý) đồng ý.

Trong nhiệm kỳ, chi Hội được bầu bổ sung ban chấp hành, kiện toàn chi hội trưởng, chi hội phó khi khuyết nhân sự và không giới hạn số lần bầu bổ sung.

10.7- Ban thường vụ hội cấp trên trực tiếp chỉ định ủy viên ban chấp hành chi hội và các chức danh chi hội trưởng, chi hội phó trong trường hợp tổ chức Hội mới được thành lập hoặc được thành lập mới do có sự thay đổi về địa giới hành chính như chia tách, sáp nhập, hợp nhất trong nhiệm kỳ; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ mới cho phù hợp.

11. Điều 15: Tổ Hội

Tổ Hội là đơn vị trực thuộc chi Hội, thành lập trên cơ sở các hội viên có cùng địa giới hành chính, điều kiện công tác, học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, nghề nghiệp, đơn vị kinh tế, tổ hợp tác phù hợp và thuận tiện cho việc sinh hoạt, hoạt động của chi Hội. Tổ Hội có thể thành lập trong các trường trung cấp, cao đẳng, đại học khi có đủ kiện về số lượng hội viên và được sự đồng ý của cấp ủy và ban lãnh đạo nhà trường.

Tổ Hội trong các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, trong các nhà khoa học, trí thức trẻ có thể trực thuộc cơ sở Hội hoặc cấp huyện/cấp tỉnh/cấp trung ương quản lý.

- Quy trình, thủ tục thành lập tổ Hội: Căn cứ vào điều kiện lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập hoặc địa bàn hội viên sinh sống, chi Hội thảo luận, thống nhất thành lập tổ Hội và đề nghị lên ban thường vụ cơ sở Hội (hoặc ban thường vụ Hội cấp quản lý trực tiếp) công nhận.

- Tổ Hội có tổ trưởng và 1 - 2 tổ phó do hội viên bầu ra. Số lượng tổ phó do chi Hội quyết định trên cơ sở tình hình thực tế và điều kiện cụ thể của từng tổ Hội và phải được ban thường vụ Hội cơ sở (hoặc ban thường vụ Hội cấp quản lý trực tiếp) đồng ý. Tổ Hội họp 01 tháng 01 lần.

12. Điều 17: Công tác kiểm tra

Thực hiện theo Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành.

13. Điều 18, 19, 20: Ủy ban kiểm tra của Hội

13.1- Việc lập ủy ban kiểm tra Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở và công nhận ủy ban kiểm tra:

Thực hiện theo Đề án Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân các cấp; Hướng dẫn quy trình lập Ủy ban Kiểm tra Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở nhiệm kỳ 2018 - 2023.

13.2- Về tổ chức bộ máy giúp việc ủy ban kiểm tra:

Thực hiện theo Đề án Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân các cấp và Đề án cơ quan giúp việc Ủy ban kiểm tra Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

13.3- Về nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc, chế độ làm việc của ủy ban kiểm tra:

- Về nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc làm việc của ủy ban kiểm tra: Thực hiện theo Đề án Ủy ban Kiểm tra Hội Nông dân các cấp; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội, Ủy ban Kiểm tra Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở; Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Hội.

- Về chế độ làm việc của ủy ban kiểm tra: Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội, ủy ban kiểm tra Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp huyện họp thường kỳ 6 tháng 1 lần, khi cần thiết thực hiện nhiệm vụ có thể họp đột xuất do thường trực ủy ban quyết định. Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân cấp cơ sở họp thường kỳ 01 tháng 01 lần, khi cần thiết thực hiện nhiệm vụ có thể họp đột xuất do thường trực ủy ban quyết định. Thường trực ủy ban kiểm tra gồm chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra. Hội nghị ủy ban kiểm tra chỉ họp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số ủy viên ủy ban kiểm tra được triệu tập có mặt; các kết luận, quyết định của ủy ban kiểm tra phải được trên 50% số ủy viên ủy ban kiểm tra được triệu tập đồng ý.

13.4- Việc bổ sung và cho rút tên ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân các cấp:

13.4.1- Bổ sung ủy viên, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra

a. Các trường hợp bầu bổ sung

- Bầu chưa đủ số lượng do hội nghị ban chấp hành quyết định.
- Khi ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác, bị kỷ luật cách chức hoặc vì lý do cá nhân khác xin rút tên.

b. Nguyên tắc bầu bổ sung

- Bầu bổ sung ủy viên, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra phải đảm bảo đúng thành phần, cơ cấu, số lượng và tiêu chuẩn đã được hội nghị ban chấp hành thông qua.
- Trước khi bầu bổ sung ủy viên, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra ở mỗi cấp, ban thường vụ cấp đề nghị phải có văn bản báo cáo cụ thể với ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp bằng văn bản. Đối với nhân sự chủ nhiệm ủy ban kiểm tra phải được sự đồng ý của cấp ủy cùng cấp theo quy định phân cấp quản lý cán bộ. Văn bản đề nghị kiện toàn, bổ sung cần ghi rõ lý do bổ sung.

c. Quy trình, hồ sơ kiện toàn nhân sự và công nhận kết quả bầu cử ủy viên, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra

*** Quy trình**

Bước 1: Khi ủy ban kiểm tra Hội Nông dân cấp nào khuyết ủy viên, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra thì ban thường vụ cấp đó căn cứ đề án ủy ban kiểm tra đã được thông qua tại hội nghị ban chấp hành; tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh; thảo luận, thống nhất lựa chọn nhân sự dự kiến giới thiệu bầu bổ sung vào ủy ban kiểm tra. Đối với nhân sự chủ nhiệm ủy ban kiểm tra phải xin ý kiến cấp ủy cùng cấp theo quy định phân cấp quản lý cán bộ. Sau đó, báo cáo ban thường vụ Hội Nông dân cấp trên trực tiếp bằng văn bản đề xin ý kiến về chủ trương kiện toàn nhân sự ủy viên, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

Bước 2: Ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét và trả lời bằng văn bản.

Bước 3: Khi có ý kiến đồng ý của cấp ủy cùng cấp và ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp, Hội Nông dân cấp bầu bổ sung triệu tập hội nghị ban chấp hành cùng cấp và tiến hành bầu bổ sung các chức danh theo quy định.

Bước 4: Ban thường vụ Hội Nông dân cấp bầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ trình ban thường vụ Hội cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định công nhận.

Bước 5: Báo cáo cấp ủy cùng cấp, ban thường vụ và ủy ban kiểm tra Hội Nông dân cấp trên.

*** Hồ sơ kiện toàn**

- Hồ sơ xin chủ trương kiện toàn, bổ sung nhân sự:

1 + Tờ trình của ban thường vụ Hội Nông dân cấp bầu bổ sung xin chủ trương kiện toàn ủy ban kiểm tra (cần nêu rõ lý do và tình hình ủy ban kiểm tra ở thời điểm kiện toàn).

2 + Danh sách trích ngang nhân sự cụ thể.

3 + Đối với nhân sự là chủ nhiệm ủy ban kiểm tra phải gửi thêm lý lịch theo mẫu 2C/TCTW-98.

- Hồ sơ đề nghị công nhận các chức danh kiện toàn, bổ sung:

+ Tờ trình của ban thường vụ Hội Nông dân cấp bầu bổ sung đề nghị công nhận chức danh kiện toàn.

+ Biên bản Hội nghị ban chấp hành về việc bầu ủy viên, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

+ Biên bản kiểm phiếu bầu từng chức danh.

+ Danh sách trích ngang nhân sự cụ thể.

13.4.2- Bổ sung phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra

a. Các trường hợp bầu bổ sung

- Bầu chưa đủ số lượng do hội nghị ban chấp hành quyết định.
- Khi phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyển công tác, bị kỷ luật cách chức hoặc vì lý do cá nhân khác xin rút tên.

b. Nguyên tắc bầu bổ sung

- Bầu bổ sung phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra phải đảm bảo đúng thành phần, cơ cấu, số lượng và tiêu chuẩn đã được hội nghị ban chấp hành thông qua.
- Trước khi bầu bổ sung phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra ở mỗi cấp, ủy ban kiểm tra phải có văn bản báo cáo cụ thể và được sự đồng ý của ban thường vụ cùng cấp trực tiếp bằng văn bản. Văn bản đề nghị kiện toàn, bổ sung cần ghi rõ lý do bổ sung.

c. Quy trình, hồ sơ kiện toàn nhân sự và đề nghị phê chuẩn chức danh phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra

*** Quy trình**

Bước 1: Khi ủy ban kiểm tra Hội Nông dân cấp nào khuyết phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra thì ủy ban kiểm tra cấp đó báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ cùng cấp bằng văn bản.

Bước 2: Ban thường vụ cùng cấp căn cứ đề án ủy ban kiểm tra đã được thông qua tại hội nghị ban chấp hành, tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra để xem xét, giới thiệu nhân sự bầu bổ sung chức danh phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra bằng văn bản.

Bước 3: Khi có văn bản của ban thường vụ cùng cấp, ủy ban kiểm tra cấp bầu bổ sung triệu tập hội nghị ủy ban kiểm tra và tiến hành bầu bổ sung chức danh theo quy định.

Bước 4: Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân cấp bầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ trình ban thường vụ cùng cấp phê chuẩn chức danh phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và báo cáo ủy ban kiểm tra hội cấp trên.

*** Hồ sơ đề nghị phê chuẩn chức danh phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra được kiện toàn, bổ sung:**

- Tờ trình của ủy ban kiểm tra cấp bầu bổ sung đề nghị phê chuẩn chức danh kiện toàn.
- Biên bản hội nghị ủy ban kiểm tra về việc bầu phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.
- Biên bản kiểm phiếu bầu phó chủ nhiệm.
- Danh sách trích ngang nhân sự cụ thể.

13.4.3- Việc đương nhiên không còn là ủy viên ủy ban kiểm tra; cho rút tên ủy viên ủy ban kiểm tra, thôi giữ chức danh chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra

- Ủy viên ủy ban kiểm tra có quyết định nghỉ hưu hoặc có thông báo nghỉ công tác (kể từ thời điểm quyết định nghỉ hưu hoặc thông báo nghỉ công tác có hiệu lực thi hành) thì đương nhiên không còn là ủy viên ủy ban kiểm tra và các chức danh khác của ủy ban kiểm tra do ban chấp hành và ủy ban kiểm tra bầu.

- Đối với chức danh chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trước khi cho rút tên khỏi danh sách ủy ban kiểm tra phải báo cáo và được sự đồng ý của cấp ủy cùng cấp và Ban Thường vụ Hội cấp trên trực tiếp.

- Nếu rút tên khỏi chức danh ủy viên ủy ban kiểm tra thì không còn giữ chức danh chủ nhiệm, phó chủ nhiệm (nếu có). Nếu chỉ rút tên khỏi chức danh chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm thì vẫn còn là ủy viên ủy ban kiểm tra.

14. Điều 21: Khen thưởng

Thực hiện theo quy định về thi đua, khen thưởng trong hệ thống Hội Nông dân Việt Nam của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

15. Điều 22: Kỷ luật

Thực hiện theo Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành.

16. Điều 24: Quản lý, sử dụng tài chính của Hội

Thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy định của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Hướng dẫn này được phổ biến trong toàn hệ thống Hội để thống nhất thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì chưa phù hợp các cấp Hội đề xuất, phản ánh về Trung ương Hội. Ban Chấp hành giao Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét sửa đổi, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (để báo cáo);
- Văn phòng Tổng Bí thư (để giúp đỡ);
- Văn phòng TW Đảng và các ban của Đảng (để giúp đỡ);
- Đảng ủy Khối các cơ quan TW (để giúp đỡ);
- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc TW (để giúp đỡ);
- Các tỉnh, thành Hội (để chỉ đạo thực hiện);
- Các ban, đơn vị TW Hội (để chỉ đạo thực hiện);
- Các đ/c Ủy viên BCH TW Hội (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu VP, BTC.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**



Thào Xuân Sùng